TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 209/2017/DS-PT
Ngày 30 tháng 8 năm 2017
V/v: "Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phạm Văn Công

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2017 về việc "Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 250/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1938. (có mặt)

Địa chỉ: ….. Tỉnh lộ 943, ấp Thanh Niên, thị trấn Phú Hoà, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Minh L , Văn phòng luật sư Minh P , thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

Bị đơn: Văn phòng công chứng T .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Vĩnh K ;

Chưc vụ: Trưởng văn phòng.

Địa chỉ: Ấp , thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của Văn phòng công chứng Thoại Sơn: Ông Nguyễn Phúc T , sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp , xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; theo văn bản uỷ quyền ngày 09/11/2016. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lại Văn G , Văn phòng luật sư Hồ Hoàng P , Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Uỷ ban nhân dân huyện T .

Địa chỉ: Ấp Đông Sơn 2, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của Uỷ ban nhân dân huyện Thoại Sơn: Ông Đỗ Chí Q , phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thoại Sơn. (có đơn xin vắng mặt)

2/ Ông Huỳnh Sóc M , sinh năm 1957 (vắng mặt)

3/ Bà Trịnh Thị Kim Ng , sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số khóm Tây An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

4/ Bà Lâm Thị Bội N , sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Trần Văn Trà, khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ Phước, Thành phố Long Xuyên, An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông M , bà Ng , bà Ngọc: Ông Hứa Hoàng C , sinh năm 1956. (xin xét xử vắn mặt)

Địa chỉ: Số , đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

5/ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Th :

Ông Trần Văn V, sinh năm 1964 (chồng bà Th). (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Thiện, thị trấn Phú Hoà, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị Lệ T , sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số , đường Tây Xương , khốm 17, phường Phúc Dân, khu Vạn Hoá, thành phố Đài Bắc, Đài Loan.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T: Bà Trần Thị Ngọc T1, sinh năm 1986. (có mặt)

6/ Bà Trần Thị Ngọc T1, sinh năm 1986. (có mặt)

Tạm trú: Số , ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

7/ Bà Trần Văn C, sinh năm 1990. (có đơn xin vắng mặt)

8/ Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1991. (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Thanh Niên, thị trấn Phú Hoà, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn Văn phòng công chứng Thoại Sơn tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Th là con của em ruột của bà Nguyễn Thị T , được bà T nhận làm con nuôi từ khi Th mới 06 tháng tuổi, không làm khai sinh nhưng có nhập hộ khẩu chung với bà T và chỉ là cháu. Khi bà Th lập gia đình, có cất 01 căn nhà tạm sát vách căn nhà của bà T đang ở. Bà T có khu đất 2.883m^2, trên khu đất này có căn nhà của bà T , căn nhà của bà Th , mồ mả của ông bà, đã được Uỷ ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH ngày 09/11/2010 và khu đất ruộng 4.137m^2, đã được Uỷ ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH ngày 09/11/2010, cả hai khu đất đều toạ lạc tại ấp Thanh Niên, thị trấn Phú Hoà, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Ngày 15/01/2015 bà Th chết đột ngột, khi chuẩn bị chôn cất trong khu vườn của bà T thì ông Huỳnh Sóc M , bà Trịnh Thị Kim Ng và bà Lâm Thị Bội N có đơn gửi chính quyền, ngăn cản không cho chôn cất bà Th tại khu vườn của bà T , với lý do bà Th đã chuyển nhượng 02 khu đất nêu trên cho 03 người này rồi. Ông M , bà Ng , bà N đưa ra Hợp đồng công chứng số ngày 31/01/2013 do Văn phòng công chứng T xác lập có nội dung bà T tặng cho bà Thu 02 khu đất nêu trên và Hợp đồng công chứng số ngày 15/11/2013 do Văn phòng công chứng H xác lập với nội dung bà Th chuyển nhượng toàn bộ 02 khu đất này cho ông M , bà Ng giá 1.000.000.000đ và bà Bội N giá 2.000.000.000đ, thời hạn chuộc đất là 03 tháng.

Bà T xác định chưa lần nào đến Văn phòng công chứng Thoại Sơn, chữ viết, dấu lăn tay trên hợp đồng tặng cho nêu trên không phải của bà T . Khi bà Th chết thì mới phát hiện bà Th đã gian dối trong việc lập hợp đồng tặng cho đất. Bà T yêu cầu huỷ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã được công chứng số 729 do Văn phòng công chứng T xác lập ngày 31/01/2013.

Bị đơn ông Huỳnh Vĩnh K g - Trưởng Văn phòng công chứng T trình bày:

Vào ngày 31/01/2013 tại Văn phòng công chứng T có tiếp nhận yêu cầu công chứng của bà Nguyễn Thị T về việc công chứng hợp đồng tặng cho 02 khu đất nêu trên giữa bên tặng cho là bà Nguyễn Thị T và bên nhận tặng cho là bà Nguyễn Thị Th . Qua đối chiếu, kiểm tra cũng như hướng dẫn, giải thích cho hai bên về trình tự thủ tục thì thấy yêu cầu của hai bên là tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc và đã cũng cấp đầy đủ các giấy tờ cần thiết cho việc công chứng, đồng thời cũng không có bất kỳ văn bản của cơ quan có thẩm quyền nào

ngăn chặn hay cấm chuyên dịch nên Văn phòng công chứng T đã tiến hành soạn thảo hợp đồng, chuẩn bị cho việc ký kết hợp đồng giữa bà T và bà Th . Do bà T tuổi cao, tay run nên bà T yêu cầu được điểm chỉ vào hợp đồng tặng cho. Để đảm bảo tính chính xác, khách quan, Văn phòng công chứng T yêu cầu bà T mời hai người làm chứng cho việc điểm chỉ là ông Võ Văn L , bà Trần Thị Kim N . Do đó việc Văn phòng công chứng T chứng nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Uỷ ban nhân dân huyện TS uỷ quyền cho ông Đỗ Chí Q trình bày*:**

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị Th được Văn phòng công chứng T xác nhận nội dung thay đổi vào ngày 04/02/2013 trên mục IV, trang 03 của Giấy chứng nhận số CH có diện tích 2.883m^2 và Giấy chứng nhận số CH có diện tích 4.137m^2 do Uỷ ban nhân dân huyện TS cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 09/11/2010 là đúng theo trình tự, thời gian giải quyết, đủ thành phần hồ sơ đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Huỳnh Sóc M , bà Trịnh Thị Kim Ng , bà Lâm Thị Bội N trình bày:

Ngày 15/11/2013 ông M , bà Ng , bà N có thoả thuận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Th 02 khu đất 2.883m^2 và 4.137m^2 nêu trên với giá 3.000.000.000đ, việc chuyển nhượng được thành lập hợp đồng tại số 90a tại Văn phòng công chứng H G . Bà Th , ông V đã ký vào biên nhận, nhận đủ số tiền 3.000.000.000đ. Sau đó các bên thoả thuận về quyền được chuộc lại tài sản chuyển nhượng trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 15/11/2013 đến hết ngày 15/02/2014 nên chưa nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục sang tên. Trong thời gian 03 tháng, ông M , bà Ng , bà N có đến nhà gặp bà Th , bà T để thực hiện việc chuộc tài sản sớm hơn, nên bà Truyện có biết việc này. Ngày 15/01/2015 bà Thu đột ngột chết, gia đình bà Th có ý định chôn bà Th trên phần đất đã chuyển nhượng, nên ông M , bà Ng , bà N đã làm đơn nộp cho địa phương ngăn chặn, từ đó phát sinh tranh chấp với bà T . Ông M , bà Ng , bà N xác định giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là hoàn toàn hợp pháp nên có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu xử lý hình sự, hoặc yêu cầu Toà án buộc Văn phòng công chứng Thoại Sơn, các đồng kế thừa của bà Nguyễn Thị Th cùng Tổng công ty cổ phần bảo hiểm B L phải liên đới bồi thường cho ông M , bà Ng số tiền 1.000.000.000đ, bồi thường cho bà N 2.000.000.000đ và tiền lãi từ ngày 15/11/2015 cho đến nay. Sau đó ông M , bà Ng , bà N đã rút yêu cầu về bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trần Văn V trình bày:

Ông Trần Văn V và bà Th là vợ chồng sống chung từ năm 1982 không có đăng ký kết hôn, có 04 con chung là Trần Thị Lệ T , Trần Thị Ngọc T1, Trần Văn C , Trần Thị Kim D hiện nay đã trưởng thành. Đã ly thân từ năm 2013, không sống chung với bà Th nữa.

Ông V xác định ngày bà Th lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vào khoảng 08 giờ tối, lúc đó ông V có ở nhà, bà Th có dẫn nhiều người đến nhà, trong đó có 01 bà già, 02 người lạ (01 nam, 01 nữ) và con dâu ông V là N2 , khi đó ông V bỏ ra ngoài sau vườn, còn việc bà Th và những người lạ mặt làm gì thì ông V t không biết. Sau này tôi có chở bà Th đến Văn phòng công chứng H G ký tên cùng bà Th thì tôi mới biết bà Th chuyển nhượng lại đất cho ông M , bà Ng , bà N . Ông V chỉ ký tên và lăn tay vào biên nhận nhận tiền, còn tiền thì bà Th nhận trực tiếp từ ông M , bà Ng , bà N . Do đó, ông V không có ý kiến gì đối với việc bà T khởi kiện Văn phòng công chứng T yêu cầu huỷ văn bản công chứng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trần Văn C , bà Trần Thị Kim D trình bày:

Việc bà Th chuyển nhượng đất cho người khác thì ông C , bà D không biết. Nay bà T khởi kiện Văn phòng công chứng T yêu cầu huỷ văn bản công chứng thì ông C , bà D không có ý kiến gì và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết của Toà án các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Trần Thị Ngọc T1 trình bày:

Việc bà T1 chuyển nhượng đất cho người khác thì bà T1 không biết. Nay bà T khởi kiện Văn phòng công chứng T yêu cầu huỷ văn bản công chứng thì không có ý kiến gì và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết của toà án các cấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm 36/2016/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T .

Tuyên bố văn bản công chứng của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giữa bà Nguyễn Thị T với bà Nguyễn Thị Th được công chứng số 729, quyển số 01A/CC-SCC/HĐGD ngày 31/01/2013 của Văn phòng công chứng T vô hiệu toàn bộ.

Hủy việc xác nhận nội dung thay đổi vào ngày 04/02/2013 trên mục IV, trang 3 của Giấy chứng nhận số CH 01874 do Ủy ban nhân dân huyện T S cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 09/11/2010 có diện tích 2.883m^2 và Giấy chứng nhận số CH 01875 do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 09/11/2010 có diện tích 4.137m^2 đất ruộng.

Bà Nguyễn Thị T và Ủy ban nhân dân huyện T S có trách nhiệm làmlại thủ tục chỉnh sửa cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T theo đúng trình tự của pháp luật đất đai hiện hành.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Sóc M , bà Trịnh Thị Kim Ng và bà Lâm Thị Bội N về yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định, án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, lệ phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/01/2017 đại diên theo pháp luật của bị đơn là ông Huỳnh Vĩnh Kh – Trưởng Văn phòng Công chứng T kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng việc Toà án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không toàn diện, khách quan, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Văn phòng Công chứng T .

Tại phiên tòa phúc thẩm

Bà T và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T cho rằng, kháng cáo của phía bị đơn không ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của bà T nên không có ý kiến gì. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người đại diện cho bị đơn cho rằng, lỗi dẫn đến văn bản công chứng vô hiệu về việc công chứng hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà T với bà Th nêu trên hoàn toàn là do bà Th , còn Văn phòng Công chứng T cũng chỉ là nạn nhân của bà Th . Lỗi ở đây do sơ suất trong quá trình công chứng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa phần nhận định của bản án sơ thẩm, xác định lỗi của Văn phòng Công chứng là vô ý khách quan và đề nghị sửa bản án sơ thẩm đối với nội dung giành quyền khởi kiện cho ông M , bà Ng , bà N đối với Văn phòng Công chứng T về yêu cầu bồi thường, vì trong trường hợp này Văn phòng Công chứng T không có nghĩa vụ bồi thường.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ các chứng cứ và xét xử tuyên bố huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Văn phòng công chứng T công chứng số ngày 31/01/2013 và huỷ nội dung xác nhận thay đổi đối với việc tặng cho quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01874 ngày 09/11/2010 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01875 ngày 09/11/2010 là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Luật sư, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự này đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt hoặc đã có văn bản uỷ quyền cho người khác có mặt tham gia phiên toà, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[2] Xét kháng cáo của đại theo pháp luật của bị đơn là ông Huỳnh Vĩnh K - Trưởng Văn phòng Công chứng T cho thấy. Vào ngày 31/01/2013 bà Nguyễn Thị Th có đến Văn phòng Công chứng T yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T với bà Th đối với hai khu đất nêu trên. Tuy nhiên, bà Th đã nhờ người khác thay bà T để lăn tay vào hợp đồng công chứng này. Từ việc công chứng hợp đồng tặng cho tài sản nên bà Th tiến hành thủ tục sang tên và được Ủy ban nhân dân huyện TS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoàn tất vào ngày 04/02/2013. Bà Th tiếp tục đem hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này giao cho bà N , bà Ng và ông M để vay 3.000.000.000đ của 3 người này. Sau khi sự việc được phát hiện, bà T khởi kiện yêu cầu hủy văn bản công chứng và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về nội dung công nhận quyền sử dụng đất cho bà Th . Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T . Xét quá trình Văn phòng công chứng T tiến hành các thủ tục công chứng đối với hợp đồng tặng cho tài sản nêu trên đã có một phần sơ xuất trong khâu kiểm tra nên để xảy ra việc bà Th cho người khác thay bà T ký và lăn tay vào văn bản công chứng. Bản án sơ thẩm nhận định lỗi dẫn đến việc văn bản công chứng vô hiệu do bà Th và Văn phòng Công chứng T là có căn cứ. Bởi lẽ, theo theo quy định của khoản 2 Điều 2 Chương 1 của bản Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng thì Công chứng viên phải tuân thủ nguyên tắc *"Khách quan, trung thực khi thực hiện công chứng, không vì bất cứ lý do nào mà làm ảnh hưởng đến chất lượng công việc công chứng..."*. Đối với kháng cáo của phía bị đơn yêu cầu sửa phần nhận định của bản án sơ thẩm về nội dung giành quyền khởi kiện cho ông M, bà Ng, bà N. Tuy nhiên, nội dung này phần nhận định của bản án sơ thẩm chỉ nêu để hướng dẫn ông M, bà Ng , bà N có quyền khởi kiện để yêu cầu bồi thường thiệt hại và đây là quyền của đương sự, họ có thể thực hiện hoặc không thực hiện. Phần quyết định của bản án không giải quyết nội dung này. Do đó yêu cầu của văn phòng công chứng T là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; bác kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Đương sư kháng cáo phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 128, 134, 137 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 7, 52 Luật Công chứng;

Áp dụng khoản 2 Điều 2 Chương 1 Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng (Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BTP ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bị đơn Văn phòng Công chứng T do ông Huỳnh Vĩnh K làm Trưởng văn phòng đại diện theo pháp luật; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Tuyên xử:

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T .

Tuyên bố văn bản công chứng của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giữa bà Nguyễn Thị T với bà Nguyễn Thị Th được công chứng số , quyển số 01A/CC-SCC/HĐGD ngày 31/01/2013 của Văn phòng công chứng T vô hiệu toàn bộ.

Hủy việc xác nhận nội dung thay đổi vào ngày 04/02/2013 trên mục IV, trang 3 của Giấy chứng nhận số CH 01874 do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 09/11/2010 có diện tích 2.883m^2 và Giấy chứng nhận số CH 01875 do Ủy ban nhân dân huyện T S cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 09/11/2010 có diện tích 4.137m^2 đất ruộng.

Bà Nguyễn Thị T và Ủy ban nhân dân huyện T S có trách nhiệm làm lại thủ tục chỉnh sửa cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtcho bà Nguyễn Thị T theo đúng trình tự của pháp luật đất đai hiện hành.

2.2 Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Sóc M , bà Trịnh Thị Kim Ng và bà Lâm Thị Bội N về yêu cầu bồi thường thiệt hại.

3. Chi phí giám định:

Văn phòng Công chứng T S do ông Huỳnh Vĩnh K làm Trưởng văn phòng phải chịu 3.150.000đ. Do bà T tạm ứng trước nên văn phòng Công chứng T do ông Huỳnh Vĩnh K g làm Trưởng văn phòng phải có nghĩa vụ hoàn trả lại bà Nguyễn Thị T số tiền 3.150.000đ.

4. Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Văn phòng Công chứng T do ông Huỳnh Vĩnh K làm Trưởng văn phòng phải chịu 200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại 200.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 00082 ngày 16/3/2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Ông Huỳnh Sóc , bà Trịnh Kim N được nhận lại 21.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010163 ngày 1/8/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bà Lâm Thị Bội N được nhận lại 36.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010164 ngày 01/8/2016 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Văn phòng Công chứng T S phải chịu 300.000đ. Số tiền 300.000đ Văn phòng Công chứng T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009518 ngày 21/02/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang được trừ vào tiền án phí dân sự phúc thẩm Văn phòng Công chứng T phải chịu.

5. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu, bên thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- NĐ (1);
- BĐ (2);
-NLQ (8);
- Lưu (3) 22b (Án39)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

Huỳnh Thanh Duyên **Phạm Văn Công** **Vũ Ngọc Huynh**